

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2020/HS-ST

Ngày: 10-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Bùi Duy Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 215/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 228/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Trọng Đ**, sinh năm 1995 tại Nghệ An; thường trú: xóm 4, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1969 (đã chết) bà Trần Thị H, sinh năm 1972; vợ tên Phạm Thị H1, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 51/2013/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/11/2015, đóng án phí và thu lợi bất chính ngày 26/4/2014.

Ngày 06/8/2020 bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay; có mặt.

**- Bị hại:** Ông Thái Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng Đ và Phạm Xuân Nh là bạn bè với nhau. Khoảng 12 giờ ngày 12/02/2020, do cần tiền tiêu xài, Nh nảy sinh ý định đi tìm xe mô tô của người khác để lấy trộm. Thực hiện ý định, Nh gọi cho Đ rủ cùng thực hiện, Đ đồng ý. Sau đó, Nh điều khiển xe mô tô hiệu Dream (không rõ biển số) đi từ thị xã (nay là thành phố) D đến phòng trọ của Đ tại khu phố B, phường B, thành phố Th. Cả hai chạy lòng vòng trên các tuyến đường tìm xe của người khác để lấy trộm. Đến khoảng 12 giờ 25 phút cùng ngày, Đ chở Nh đi ngang qua khu nhà trọ Đỗ Văn Đ2 tại khu phố L, phường K, thị xã T, Nh nhìn thấy phía trong dãy nhà trọ có 01 xe mô tô hiệu Exciter 150, màu xanh đen bạc, biển số 94F1 – 223.29 của ông Thái Văn N ở lối đi nên bảo Đ chạy vào bên trong nhà trọ. Khi đi qua vị trí xe 94F1 – 223.29 khoảng 3m, Đ điều khiển xe ra ngoài đường, còn Nh đi bộ đến vị trí xe 94F1 – 223.29 kiểm tra xe không khóa cổ liền đẩy ra vị trí Đ đứng chờ. Khi ra tới nơi, Nh bảo Đ ngồi lên xe 94F1 – 223.29, còn mình điều khiển xe hiệu Dream dùng chân đẩy xe 94F1 – 223.29 đi về hướng thành phố Th. Khi đi được khoảng 3km, Nh lấy trong người ra 01 cây đoản đưa cho Đ để mở khóa xe 94F1 – 223.29. Sau đó, Đ tháo biển số 94F1 – 223.29 ra khỏi xe hiệu Exciter ném đi và lấy biển số 37B1 – 154.68 chuẩn bị từ trước gắn vào rồi chạy về vòng xoay A. Sau đó, Nh mang xe hiệu Exciter có gắn biển số 37B1 – 154.68 để đi dán tem, Đ điều khiển xe hiệu Dream đi về phòng trọ. Nh điều khiển xe đến 01 tiệm dán tem xe (không rõ tên) gần khu vực cầu Ô thuộc địa bàn thành phố Th thay ổ khóa, dán tem xe màu trắng đỏ để làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, ông Thái Văn N phát hiện xe 94F1 – 223.29 bị mất nên đã trình báo Công an phường K.

Ngày 14/02/2020, Nh sử dụng xe hiệu Exciter của ông N chở Đ đến phường T, thị xã T tìm tài sản trộm cắp, khi đang đi lòng vòng tìm tài sản thì bị Công an phường T yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện Nh đang giấu trong người 01 cây đoản và không xuất trình được giấy tờ xe mô tô nên mời Nh và Đ về trụ sở để làm việc, tạm giữ xe mô tô hiệu Exciter, màu trắng đỏ, gắn biển số 37B1 – 154.68 và 01 cây đoản.

Quá trình làm việc, Nh và Đ khai nhận hành vi trộm xe của ông Thái Văn N vào ngày 12/02/2020 nên Công an phường T lập hồ sơ ban đầu chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền. Riêng Nguyễn Trọng Đ lợi dụng sự sơ hở của Công an phường T đã bỏ trốn đến ngày 06/8/2020 thì bị bắt theo quyết định truy nã.

Bản kết luận định giá tài sản số 68 ngày 24/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T kết luận xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh đen bạc, biển số 94F1-223.29

đã qua sử dụng trị giá 41.870.000 đồng. Ngày 18/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 49 trả lại cho ông N. Biển số 94F1-223.29 đã bị tháo khỏi xe không thu hồi. Ông Thái Văn N đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác.

Đối với điện thoại di động mà Phạm Xuân Nh sử dụng để liên lạc với Nguyễn Trọng Đ nhằm bàn bạc đi trộm cắp tài sản, Nh khai quá trình sử dụng đã bị rơi mất nên không thể thu hồi.

Đối với hành vi của Phạm Xuân Nh và vật chứng thu giữ trong vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã T xử lý tại Bản án số 117/2020/HS-ST ngày 23/6/2020.

Bản Cáo trạng số 215/CT-VKSTU ngày 19/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ về tội trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của bị hại không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Ngày 12/02/2020, tại khu nhà trọ Đỗ Văn Đ2 thuộc khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo cùng bạn là Phạm Xuân Nh lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Exciter 150, màu xanh đen bạc, biển số 94F1 – 223.29 của ông Thái Văn

N. Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe trên có giá trị 41.870.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Hành vi này thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu. Quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn và bị truy nã gây ảnh hưởng đến công tác điều tra. Do đó, cần xử bị cáo thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/8/2020.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Trí**